TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:102/2023/QĐST-HNGĐ	*TP. Tuyên Quang, ngày 06 tháng 4 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 241/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa:

* *Nguyên đơn:* Ông **Trần Duy T**, sinh năm 1956; Địa chỉ: Xóm 8, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Bà **Vũ Thị H**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Xóm 8, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Vũ Trung Kiên và luật sư Nguyễn Thị Hiên; Nơi làm việc: Công ty Luật TNHH Vũ Kiên; Địa chỉ: MG4-09, đường Hà Huy Tập, tổ 13, phường Phan Thiết, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Duy T và bà Vũ Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Trần Duy T và bà Vũ Thị H đều xác nhận, vợ chồng có một con chung là Trần Phương T, sinh ngày 12/12/2005, ông T và bà H thoả thuận: Giao cho bà Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung sau ly hôn. Ông Trần Duy T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Ông Trần Duy T và bà Vũ Thị H đều xác nhận, đã tự thoả thuận xong, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

- Về vay nợ: Ông Trần Duy T và bà Vũ Thị H đều tự xác nhận, vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Ông Trần Duy T được miễn 75.000 đồng (*bẩy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Vũ Thị H phải chịu 75.000 đồng (*bẩy mươi lăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đã nộp là 18.500.000 đồng (*mười tám triệu, năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0000678 ngày 17/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, bà Vũ Thị H được trả lại số tiền chênh lệch là 18.425.000.000 đồng (*mười tám triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND phường Ỷ La, tp Tuyên Quang;
- UBND xã T, tp Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND tp Tuyên Quang.

Vương Thị Lan